

MỘT SỐ CÂU HỎI ÔN TẬP KHTN8 GKI – HOÁ

Câu 1: Dụng cụ dùng để đựng trộn các hóa chất rắn với nhau hoặc nung các chất ở nhiệt độ cao là:

- A. Thìa thủy tinh. B. Bình tam giác. C. Ống nghiệm. D. Bát sứ.

Câu 2: Dụng cụ nào sau đây được dùng để đo thể tích của dung dịch?

- A. Ống đong. B. Ống nghiệm. C. Ống hút nhỏ giọt. D. Chén sứ.

Câu 3: Dụng cụ dùng để lấy hóa chất dạng lỏng là:

- A. Thìa thủy tinh. B. Ống hút nhỏ giọt. C. Đũa thủy tinh. D. Cả B và C.

Câu 4: Để đựng hóa chất lỏng ta dùng dụng cụ nào sau đây?

- A. Đũa thủy tinh. B. Lọ thủy tinh. C. Giá để ống nghiệm. D. Thìa thủy tinh.

Câu 5: Hóa chất nào sau đây là hóa chất nguy hiểm?

- A. Oxygen. B. Hydrochloric acid . C. Muối ăn. D. Nước.

Câu 6: Hóa chất nào sau đây là hóa chất dễ cháy nổ?

- A. Oxygen. B. Khí hydrogen. C. Muối ăn. D. Nước.

Câu 7: Khi muốn hòa tan các chất rắn trong dung dịch, ta sử dụng

- A. Đèn cồn. B. Đũa thủy tinh. C. Kiềng đun. D. Ống hút nhỏ giọt.

Câu 8: Phát biểu nào sau đây đúng?

- A. Trong phản ứng hoá học, liên kết trong các phân tử bị phá vỡ.
B. Trong phản ứng hoá học, các nguyên tử bị phá vỡ.
C. Trong phản ứng hoá học, liên kết trong các phân tử không bị phá vỡ.
D. Trong phản ứng hoá học các phân tử được bảo toàn.

Câu 9: Trong quá trình phản ứng, lượng chất phản ứng, lượng sản phẩm ...

- A. Tăng dần, giảm dần B. Giảm dần, tăng dần
C. Tăng dần, tăng dần D. Giảm dần, giảm dần

Câu 10: Để tổng hợp được ammonia (nguyên liệu sản xuất phân đạm), người ta cho khí hydrogen phản ứng với khí nitrogen ở nhiệt độ thích hợp áp suất cao.

a. Chất phản ứng là: A. Ammonia. B. Hydrogen. C. Nitrogen. D. Cả B và C.

b. Chất sản phẩm của phản ứng là:

- A. Ammonia. B. Hydrogen. C. Nitrogen. D. Cả B và C

Câu 11: Cho sơ đồ phản ứng sau: $\text{Fe} + \text{O}_2 \rightarrow \text{Fe}_3\text{O}_4$. Tỷ lệ số nguyên tử, số phân tử của các chất trong phản ứng lần lượt là:

- A. 1 : 1 : 1. B. 3 : 2 : 1. C. 1 : 2 : 1. D. 3 : 1 : 2.

Câu 12: Cho sơ đồ phản ứng sau: $\text{P} + \text{O}_2 \rightarrow \text{P}_2\text{O}_5$. Tỷ lệ số nguyên tử, số phân tử của các chất trong phản ứng lần lượt là:

- A. 4 : 5 : 2. B. 1 : 5 : 2. C. 2 : 5 : 2. D. 2 : 2 : 1.

Câu 13: Quá trình nào sau đây xảy ra sự biến đổi hoá học?

- A. Hoà tan muối ăn vào nước được dung dịch nước muối.
B. Nhỏ vài giọt mực vào cốc nước và khuấy đều thấy mực loang ra cả cốc nước.

C. Trứng gà để lâu ngày bị hỏng, có mùi khó chịu.

D. Dây tóc bóng trong bóng đèn điện nóng và sáng lên khi có dòng điện chạy qua.

Câu 14: Trong lò nung vôi, đá vôi chứa calcium carbonate bị nung nóng tạo thành calcium dioxide và carbon dioxide. Sự biến đổi xảy ra ở đây là:

A. Biến đổi vật lí. B. Biến đổi hóa học. C. Không xảy ra sự biến đổi nào. D. Cả 2 biến đổi

Câu 15: Hiệu ứng nhà kính gây nên những sự biến đổi lớn cho Trái Đất, trong đó, một điều đáng lo ngại chính là hiện tượng băng tan ở cả 2 cực (Bắc cực và Nam cực). Đây là hiện tượng của sự biến đổi gì?

A. Biến đổi vật lí. B. Biến đổi hóa học. C. Không xảy ra sự biến đổi nào. D. Cả 2 biến đổi

Câu 16. Phản ứng nào sau đây là phản ứng toả nhiệt?

A. Phản ứng nung đá vôi CaCO_3 . B. Phản ứng hòa tan viên C sủi vào nước.

C. Phản ứng phân hủy đường. D. Phản ứng đốt cháy than.

Câu 17. Phản ứng nào sau đây là phản ứng thu nhiệt?

A. Đốt cháy than. B. Phản ứng nung đá vôi CaCO_3 .

C. Cho viên kẽm vào dd acid HCl. D. Phản ứng đốt cháy cồn.

Câu 18. Quá trình nào sau đây là quá trình thu nhiệt?

A. Đốt cháy cồn. B. Hoà tan phân đạm urea vào nước làm cho nước trở nên lạnh.

C. Đốt cháy khí gas. D. Sulfuric acid đặc khi thêm vào nước làm cho nước nóng lên.

Câu 19: Dấu hiệu khi có phản ứng hóa học xảy ra là

A. Xuất hiện chất khí, chất kết tủa. B. Thay đổi màu sắc, mùi.

C. Phát sáng, giải phóng hoặc hấp thụ nhiệt năng. D. Cả A, B, C.

Câu 20. Dấu hiệu chứng tỏ đã có phản ứng hoá học xảy ra khi khí gas cháy là:

A. Có sự thay đổi hình. B. Có sự thay đổi màu sắc của chất.

C. Có sự tỏa nhiệt và phát sáng. D. Tạo ra chất không tan.

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Một lá sắt (iron) nặng 28 g để ngoài không khí, xảy ra phản ứng với oxygen, tạo ra gỉ sắt. Sau một thời gian, cân lại lá sắt, thấy khối lượng thu được là 31,2 g.

a) Lập PTHH cho phản ứng trên.

b) Khối lượng khí oxygen đã phản ứng là bao nhiêu gam

Câu 2: Nung đá vôi có chứa CaCO_3 trong lò nung vôi. Sau phản ứng thu được 44 gam khí carbon dioxide (CO_2) và 56 gam calcium oxide CaO .

a) Lập PTHH cho phản ứng trên.

b) Viết phương trình bảo toàn khối lượng của các chất trong phản ứng trên.

c) Áp dụng định luật bảo toàn khối lượng, hãy tính khối lượng của CaCO_3 đem nung.

Câu 3. Biết rằng calcium oxide (vôi sống) CaO hoá hợp với nước tạo ra calcium hydroxide (vôi tôi) Ca(OH)_2 , chất này tan được trong nước, cứ 56 g CaO hoá hợp vừa đủ với 18 g. Vậy 2,8 g CaO sẽ tan được trong bao nhiêu gam nước.